TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/DS-PT
Ngày: 08 – 7 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay, mượn tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay, mượn tiền.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lưu Đắc T, sinh năm 1953; cư trú tại: Số nhà 551, Quốc lộ 1A, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lưu Ánh N, sinh năm 1980; cư trú tại: Số nhà 551, Quốc lộ 1A, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2017). Bà N vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC.

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Mã H, cư trú tại: Số 64, Quốc lộ 1A, khóm B, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty TNHH TC). Ông H vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Ông H: Ông Dương Phước A, sinh năm 1978; cư trú tại: Số nhà 02, đường Lê Lợi, ấp C, thị trấn M, huyện X, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2019). Ông A vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Mã Thanh N, cư trú tại: Số nhà 360, đường Trần Hưng Đạo, khóm T, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Dương Phước A, sinh năm 1978; cư trú tại: Số nhà 02, đường Lê Lợi, ấp C, thị trấn M, huyện X, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2019). Ông A vắng mặt.

2. Bà Sơn Thị S, cư trú tại: Số A1, đường Cao Thắng, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

3. Bà Trần Thị Kim O, cư trú tại: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lưu Đắc T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Vào ngày 23/9/2007, ông Lưu Đắc T có cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC vay số tiền 3.200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất cho vay là 2%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay là để đầu tư cho dự án Bệnh viện TC, sau đó đến ngày 28/9/2007 ông T cho Ông H vay thêm số tiền 2.400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất cho vay là 2%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay là để đầu tư cho dự án Bệnh viện TC, tiếp tục đến ngày 26/11/2007 ông T cho Ông H vay thêm 130 lượng vàng 24k, thỏa thuận lãi suất cho vay là 1%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Khi cho vay hai bên có lập giấy vay mượn tiền. Tất cả các khoản vay trên là Ông H đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC vay và nhận tiền.

Sau thời gian nhận thấy dự án Bệnh viện TC triển khai không có kết quả nên ông T yêu cầu Ông H cùng bà Mã Thanh N lập hợp đồng thỏa thuận trả nợ cho ông T vào ngày 15/5/2014, tổng cộng số nợ cả tiền và vàng là 9.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, Ông H chỉ thanh toán cho ông T 100.000.000 đồng tiền vốn, rồi sau đó Ông H và bà N không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận, mặc dù ông T đã 04 lần gửi thông báo yêu cầu Ông H trả nợ. Theo đơn khởi kiện thì phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC, đại diện là ông Mã H hoàn trả số tiền vốn vay là 9.000.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày 15/5/2014 đến ngày 07/11/2017 là 3.429.630 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 12.429.630.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi cho đến khi thi hành xong bản án của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC, đại diện là ông Mã H hoàn trả số tiền vốn vay là 8.900.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày 15/5/2014 đến ngày 03/4/2019 (Tính tròn 56 tháng) với lãi suất 10%/năm là 4.136.720 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 13.036.720.000 đồng.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Dương Phước A vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại tờ tường trình ngày 05/9/2017 của ông Mã H trình bày:

Bản thân ông Mã H cũng như Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC không có vay tiền và cũng không có nhận tiền, vàng của ông T như đại diện phía nguyên đơn trình bày. Bị đơn cũng không thừa nhận có lập các giấy vay mượn tiền và hợp đồng thỏa thuận ngày 15/5/2014 như phía nguyên đơn trình bày. Bị đơn chỉ thừa nhận có lập hợp đồng thỏa thuận số 01/HĐKT.2014, ngày 15/5/2014 với nội dung Công ty Trách nhiện hữu hạn TC nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần và vốn góp của ông Lưu Đắc T với số tiền là 10.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tờ hợp đồng thỏa thuận số 01 vừa nêu cũng chỉ là tờ thỏa thuận khống do trước đó ông T biết công ty ký nhái chữ ký của ông T với bà O để công ty làm giấy phép kinh doanh sửa đổi, bổ sung đăng ký lại doanh nghiệp về việc gia, giảm số thành viên công ty nên ông T đặt vấn đề trả lại tiền góp vốn theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền mà ông T đã góp mấy năm qua thì ông T mới làm đơn xin hủy ngăn chặn. Số tiền mà ông T góp là 340.000.000 đồng, tương đương 5% tổng số vốn của công ty (6.800.000.000 đồng). Sau khi lập hợp dồng thì phía công ty có trả cho ông T 02 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng, rồi sau đó không trả nữa.

Ngoài ra, phía bị đơn thừa nhận chữ ký của Ông H, bà N tại hợp đồng thỏa thuận không số đề ngày 15/5/2014 nhưng cho rằng sau khi Ông H, bà N ký xong đưa cho ông T ký thì ông T không đồng ý nên hai bên mới lập hợp đồng thỏa thuận số 01/HĐKT.2014, ngày 15/5/2014 thỏa thuận số tiền 10.000.000.000 đồng. Do đó, phía bị đơn không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn, vì phía bị đơn không có vay mượn tiền, vàng của nguyên đơn.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2018, bà Sơn Thị S trình bày:

Bà S cho rằng việc thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC bà không rõ, bà có tên thành viên trong công ty chỉ trên danh nghĩa, do trước đây ông Mã H với chồng của bà là chỗ quan biết nên Ông H nhờ bà đứng tên danh nghĩa là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC. Khi tham gia thành viên của công ty thì bà tham dự họp được hai lần, trong công ty bà chỉ biết ông Mã H và ông Lưu Đắc T, còn các thành viên khác bà không biết. Việc bà góp vốn vào công ty 5% là chỉ trên hình thức chứ thực ra bà không có góp vốn vào Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC.

Khi là thành viên của công ty thì bà cũng không nắm được thành viên công ty là bao nhiêu thành viên, mỗi thành viên góp vào công ty bao nhiêu, bà cũng không biết việc bà Trần Thị Kim O, ông Lưu Đắc T góp bao nhiêu vốn vào công ty. Nay ông Lưu Đắc T khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC, đại diện là ông Mã H hoàn trả số tiền vốn là 9.000.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày 15/5/2014 đến ngày 07/11/2017 thành tiền là 3.429.630.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 12.429.630.000 đồng thì bà không có ý kiến gì, vì sự việc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC là do ông Mã H điều hành, bà hoàn toàn không biết sự việc giữa ông Mã H và ông Lưu Đắc T nên hôm nay phát sinh vấn đề gì với công ty không liên quan tới bà.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim O, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà

O, nhưng bà vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án bà O cũng không có giao nộp thêm chứng cứ gì khác.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC trả số tiền vốn là 8.900.000.000 đồng và tiền lãi là 4.136.720.000 đồng. Tổng cộng là 13.036.720.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2019, nguyên đơn ông Lưu Đắc T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong việc buộc bị đơn trả tiền vay 8.900.000.000 đồng và tiền lãi 4.136.720.000 đồng như tờ cam kết trả nợ ngày 15/5/2014 do chính bị đơn xác nhận và cam kết trả nợ cho nguyên đơn.

Đến ngày 20/6/2019, nguyên đơn có đơn xin rút đơn khởi kiện và kháng cáo.

Đến ngày 02/7/2019 và ngày 08/7/2019, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn trình bày ý kiến là không đồng ý với đơn xin rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng việc rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội. Tuy nhiên, để giải quyết dứt điểm vụ án, phía bị đơn không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 289, Điều 295, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung xin rút kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST, ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp

luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 299, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 289, Điều 295, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung xin rút kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST, ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử *(HĐXX)* nhận định:

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lưu Ánh N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Thanh N là ông Dương Phước A vắng mặt, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị S, bà Trần Thị Kim O vắng mặt không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông Lưu Đắc T là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Về tư cách của người tham gia tố tụng: Do nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC trả tiền vay, mượn và tiền lãi, nhưng Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào năm 2007, trong đó, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Mã H. Nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC là tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Doanh nghiệp năm 2005 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), tương ứng với khoản 2 Điều 47 Luật Doanh nghiệp năm 2014. Do đó, việc tranh chấp giữa ông Lưu Đắc T với Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC không làm phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ đối với các thành viên trong công ty. Vì vậy, HĐXX xác định bà Sơn Thị S và bà Trần Thị Kim O không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên việc vắng mặt bà S và bà Kim O không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Xét việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Đắc T đề ngày 20/6/2019. Xét thấy, sau khi kháng cáo đến ngày 20/6/2019 nguyên đơn ông Lưu Đắc T có đơn xin rút đơn khởi kiện và kháng cáo, Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai người đại diện theo ủy quyền của ông T xác định việc rút đơn khởi kiện và kháng cáo của ông T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội. Tuy nhiên, đến ngày 02/7/2019 và ngày mở phiên tòa ngày 08/7/2019, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Dương Phước A có đơn trình bày ý kiến là không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của ông T và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhằm giải quyết dứt điểm vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX không chấp nhận việc rút

đơn khởi kiện của nguyên đơn ông T và tiếp tục tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo thủ tục chung.

[5] Xét việc rút đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lưu Đắc T đề ngày 20/6/2019. Xét thấy, cũng như nhận định ở mục [3] vừa nêu, thì việc rút đơn kháng cáo của ông T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 289, Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung xin rút đơn kháng cáo của ông T và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST, ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 289, Điều 295, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung xin rút kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST, ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Do nguyên đơn rút đơn kháng cáo trước khi mở phiên tòa, lẽ ra nguyên đơn phải chịu 50% án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326, nhưng ông T là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299, điểm b khoản 1 Điều 289, Điều 295, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung xin rút kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST, ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, điểm a khoản 1 Điều 299, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 289, Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận việc rút đơn khợi kiện của nguyên đơn ông Lưu Đắc T đề ngày 07/8/2019.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lưu Đắc T đề ngày 22/4/2019.

3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp vay, mượn tài sản. Án tuyên như sau:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Đắc T về việc buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn TC trả số tiền vốn là 8.900.000.000 đồng và tiền lãi là 4.136.720.000 đồng. Tổng cộng là 13.036.720.000 đồng (Mười ba tỷ không trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lưu Đắc T được miễn. Hoàn trả cho ông Lưu Đắc T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 60.102.000 đồng theo biên lai thu số 0007832 ngày 15/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Lưu Đắc T được miễn. Ông Lưu Đắc T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007460 ngày 24/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS tp Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn